

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW,
ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương, khóa XII
về công tác dân số trong tình hình mới

CÔNG AN
SỐ 24.91
13/3/2018

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 21-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện có hiệu quả quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 21-NQ/TW.

Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất Nhà nước và phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và của cả cộng đồng trong việc tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển.

Xác định mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu để các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong tỉnh tập trung chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, giải pháp đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm và lộ trình phù hợp nhằm thực hiện có hiệu quả công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện Nghị quyết phải phù hợp với chủ trương, định hướng, mục tiêu và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên và các văn bản chỉ đạo của Trung ương về công tác dân số trong tình hình mới.

II- MỤC TIÊU

1- Mục tiêu chung

Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa

dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng của tỉnh.

2- Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số dưới 70 vạn người.

- Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị; phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 75% số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc ít người, theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

- Tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%; tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Chiều cao người 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ đạt 157,5 cm. Chỉ số Phát triển con người (HDI) bằng mức trung bình chung của cả nước.

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 45%. Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng cao, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng và chính quyền đối với công tác dân số; thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh, của từng ngành, từng địa phương trong tỉnh. Phát huy tối đa lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số. Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách từ tập

trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và của cả cộng đồng trong công tác dân số. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp; đặc biệt là trong việc thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 2 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2- Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

Đổi mới, nâng cao hiệu quả tuyên truyền, quán triệt về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về công tác dân số. Nội dung truyền thông, giáo dục phải chuyển mạnh sang chính sách dân số và phát triển; lồng ghép các hoạt động truyền thông giáo dục dân số với các hoạt động truyền thông của các đơn vị trong và ngoài ngành y tế nhằm nâng cao nhận thức, góp phần chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Duy trì thường xuyên các chiến dịch truyền thông lồng ghép đưa dịch vụ dân số đến tất cả các xã đặc biệt khó khăn có mức sinh cao. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức trong nhân dân về Luật hôn nhân gia đình và tác hại của tảo hôn và kết hôn cận huyết thống, từ đó làm giảm tỷ lệ tảo hôn và kết hôn cận huyết thống của người dân, nhất là ở vùng cao, biên giới.

Duy trì và nâng cao chất lượng các chuyên mục, phóng sự, tin, bài về dân số, tăng cường tuyên truyền về dân số và phát triển trên các kênh thông tin đại chúng để cung cấp thông tin, kiến thức, tạo sự chuyển đổi hành vi về dân số- kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng. Sản xuất và nhân bản các sản phẩm truyền thông phù hợp với đồng bào dân tộc vùng cao, biên giới; nội dung, hình thức đa dạng, phong phú cung cấp đến tận thôn, bản và hộ gia đình.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 02 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung tuyên truyền, vận động các đối tượng, những nơi có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp.

Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông

giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỷ số giới tính khi sinh cao.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe tâm vóc, thể lực người Việt Nam. Nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

3- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất để hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số gắn với xây dựng gia đình hạnh phúc. Đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc. Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức thực hiện, bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người dân, triển khai toàn diện các nội dung của công tác dân số. Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những vi phạm về chính sách dân số theo quy định.

Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Đẩy mạnh công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Thực hiện có hiệu quả chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi; tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi.

Rà soát, nâng cao chất lượng quy hoạch các đô thị, khu cụm công nghiệp, chủ động chuẩn bị các điều kiện để dân cư được phân bố tương ứng, phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương và trong chiến lược tổng thể xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tạo điều kiện thuận lợi để người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng với các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ thỏa đáng để thu hút, tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài ở các khu vực khó khăn, trọng yếu về an ninh, quốc phòng. Thực hiện có hiệu quả chính sách bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số rất ít người.

4- Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số.

Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân. Tăng cường hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

Sắp xếp lại hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tạo lập môi trường thân thiện, hòa nhập giữa các nhóm đối tượng, với cộng đồng và xã hội.

Phát triển mạnh hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế. Khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.

Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư... đều thực sự bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng.

Đẩy mạnh nghiên cứu về dân số và phát triển, nhất là các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số và lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực.

Thực hiện ưu tiên cấp miễn phí phương tiện tránh thai cho đối tượng thuộc vùng khó khăn, gia đình chính sách. Đẩy mạnh hình thức xã hội hóa cung cấp các phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình ở vùng thành thị và nông thôn phát triển, giảm gánh nặng về ngân sách đầu tư cho việc mua các phương tiện tránh thai.

Tiếp tục triển khai các đợt chiến dịch tăng cường đưa dịch vụ sức khỏe sinh sản- kế hoạch hóa gia đình tới các xã đặc biệt khó khăn. Ưu tiên cho chẩn đoán và điều trị viêm nhiễm đường sinh sản nhằm giảm tỷ lệ viêm nhiễm đường sinh sản ở phụ nữ, tiến tới 100% các cơ sở y tế xã tự giải quyết được dịch vụ này.

Xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ thân thiện với đối tượng vị thành niên, thanh niên ở các trường phổ thông trung học; từng bước thành lập khoa chăm sóc người cao tuổi ở bệnh viện tỉnh, huyện; mở rộng cung cấp các dịch vụ tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; cập nhật kiến thức, quy trình kỹ thuật chăm sóc

sức khỏe sinh sản người cao tuổi, nam học cho cán bộ cung cấp dịch vụ các tuyến; triển khai tư vấn về sức khỏe sinh sản, tình dục, điều trị các rối loạn tiền mãn kinh, mãn kinh và mãn dục nam.

5- Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, biên giới.

Đẩy mạnh xã hội hóa, có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

Phát triển thị trường, đa dạng hóa các gói bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm nhà nước, bảo hiểm thương mại với nhiều mệnh giá tương ứng các gói dịch vụ khác nhau để các nhóm dân số đặc thù đều bình đẳng trong việc tham gia và thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi, an sinh xã hội.

6- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số các tuyến theo hướng tinh gọn, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cộng tác viên ở thôn, bản, tổ dân phố... Nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách dân số, cộng tác viên dân số.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; đào tạo cô đỡ thôn bản cho vùng cao, biên giới, vùng đồng bào dân tộc; đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn, nghiên cứu khoa học.

Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho người dân. Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội. Cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng

và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

7- Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động, tích cực hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dân số. Tranh thủ sự đồng thuận, hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm và kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế. Tập trung nguồn lực để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về dân số.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy, tổ chức đảng, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tổ chức tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy; xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp với địa phương, cơ quan, đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả.


2- Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh cụ thể hóa Nghị quyết số 21-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy để tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả. Chủ trì, phối hợp với các ban Đảng tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức học tập, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về nội dung và kết quả thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW đảng (b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế,
- Các Đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, ĐUTT tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH₁.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

SÁ BI THƯ

 TỈNH ỦY
 ĐIỆN BIÊN
 Trần Văn Sơn